TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNST
Ngày: 23/8/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN-TP.CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

2.Ông Phạm Văn Hậu

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Đặng Thùy D**, trú tại số 12, khu vực X, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

-***Bị đơn:*** Anh **Phạm Thanh T**; trú tại khu vực Z, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai:

Chị D và anh T chung sống từ năm 2002, hôn nhân của anh chị là do quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc vào ngày 09/7/2004.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, theo chị D là do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cãi vã, chị đã cố gắng duy trì hôn nhân nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh T trong lúc cãi vã còn đánh chị, có những lời xúc phạm làm ảnh hưởng đến tinh thần chị, nay chị xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được và không thể

sống với nhau nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T; Còn theo anh T nguyên mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống về tình cảm, kinh tế vì chị D thường xuyên đi nhậu tiếp khách cùng cơ quan nên thường xuyên mâu thuẫn cãi vã. Nay chị D xin ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ con muốn hàn gắn xây dựng gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Phạm Thanh N (Nam), sinh ngày: 03/6/2003 và Phạm Thiện N (Nam), sinh ngày 11/10/2008.

Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Phạm Thiện N đang sống cùng anh T, chị D đồng ý ổn định cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T, nếu chị D cương quyết ly hôn thì anh T đồng ý với yêu cầu về con chung của chị D và tôn trọng nguyện vọng của con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuân, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

-Chị D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, anh T thì nuôi cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung thì chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

-Anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, muốn hàn gắn hạnh phúc nhưng chị D cương quyết ly hôn, anh không có biện pháp hàn gắn. Nếu chị D cương quyết ly hôn thì anh thống nhất với yêu cầu về con chung của chị D và tôn trọng nguyện vọng của con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung nếu ly hôn thì anh xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về quan hệ pháp luật*: Chị Nguyễn Đặng Thùy D và anh Phạm Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 09/7/2004, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống giữa chị D, anh T có phát sinh mâu thuẫn và chị D có đơn khởi kiện ly hôn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]*Xét quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh T chung sống có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị D mâu thuẫn phát sinh là do bất

đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm nên thường xuyên cãi vã, chị đã cố gắng duy trì hôn nhân nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn; còn anh T thì cho rằng vì thương vợ con muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng mâu thuẫn gia đình đã phát sinh từ lâu giữa anh và chị không tạo cho nhau điều kiện để hàn gắn mà trái lại tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và anh cũng thừa nhận không có biện pháp hàn gắn. Điều đó, chứng tỏ mẫu thuẫn vợ chồng anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Đối chiếu theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, việc ly hôn theo yêu cầu của chị D là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị.

[3]*Về con chung*: Chị D và anh T có 02 con chung tên Phạm Thanh N (Nam), sinh ngày: 03/6/2003 và Phạm Thiện N (Nam), sinh ngày 11/10/2008.

Xét thấy, cháu N đang sống chung với chị D và cháu N đang sống chung với anh T đã đảm bảo tốt về mọi mặt và thực tế nguyện vọng của cháu N muốn sống chung với chị D, cháu N muốn sống chung với anh T và cả hai anh chị đều thống nhất ổn định việc nuôi con chung này. Vì vậy, thấy rằng nên giữ ổn định cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành là phù hợp.

Chị D và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị D và anh T không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của đương sự nên không cần đặt ra xem xét.

[4]*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị D và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[5]*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Đặng Thùy D.

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Đặng Thùy D được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

-*Về con chung:*

Giao cháu Phạm Thanh N (Nam), sinh ngày: 03/6/2003 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Giao cháu Phạm Thiện N (Nam), sinh ngày: 11/10/2008 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Chị D và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị D và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

-*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị D và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

-*Về án phí:* Nguyên đơn chị D phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 001833 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí.

-*Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng

Nơi nhận:
-Đương sự;
-VKSND Q. Ô Môn;
-Chi cục THADS Q. Ô Môn;
-TAND TP. Cần Thơ;
-UBND Phường Trường Lạc;
-Lưu hồ sơ vụ án.